

Số: /NQ-HĐND

Hón Quản, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn tổng quyết toán
ngân sách nhà nước huyện Hón Quản năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 14/7/2022; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND-KTXH ngày 18/7/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước huyện Hón Quản năm 2021 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 451.146.788.055 đồng.
2. Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương
 - a) Tổng thu ngân sách địa phương: 1.270.019.660.049 đồng.
 - b) Tổng chi ngân sách địa phương: 930.129.855.680 đồng (bao gồm cả số chi chuyển nguồn từ năm 2020 sang năm 2021; chi bổ sung cho ngân sách cấp xã)
 - c) Kết dư ngân sách địa phương: 224.304.874.312 đồng.
3. Quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện
 - a) Tổng thu ngân sách cấp huyện: 839.114.997.440 đồng.
 - b) Tổng chi ngân sách cấp huyện: 685.272.836.122 đồng.
 - c) Kết dư ngân sách cấp huyện: 153.842.161.318 đồng.

(Chi tiết theo các biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện; các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ địa biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND - UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực huyện ủy (b/c);
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các cơ quan huyện: kho bạc, thuế;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.HĐND - UBND các xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 HUYỆN HỐN QUẢN

Đơn vị tính: đồng.

Phần thu	Tổng số	Chia ra		Phần chi	Tổng số	Chia ra	
		Ngân sách huyện	Ngân sách xã			Ngân sách huyện	Ngân sách xã
Tổng số thu	1.154.434.729.992	839.114.997.440	315.319.732.552	Tổng số chi	930.129.855.680	685.272.836.122	244.857.019.558
A- Tổng thu cân đối ngân sách địa phương	1.154.434.729.992	839.114.997.440	315.319.732.552	A- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	930.129.855.680	685.272.836.122	244.857.019.558
1. Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng	335.561.857.998	193.747.822.719	141.814.035.279	1. Chi đầu tư phát triển	217.716.043.706	103.925.070.177	113.790.973.529
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	698.615.648.400	544.701.252.400	153.914.396.000	2. Chi chương trình mục tiêu	-	-	-
3. Thu từ kết dư ngân sách năm trước	94.150.256.753	75.727.093.380	18.423.163.373	3. Chi thường xuyên	544.419.704.974	427.433.369.945	116.986.335.029
4. Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	12.027.255.841	10.859.117.941	1.168.137.900	4. Chi nộp ngân sách cấp trên	14.079.711.000	-	14.079.711.000
5. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	14.079.711.000	14.079.711.000		5. Chi nhiệm vụ khác	-	-	-
				7. Chi chuyển nguồn NS năm sau	-	-	-
				8. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	153.914.396.000	153.914.396.000	-
				B- Kết dư ngân sách	224.304.874.312	153.842.161.318	70.462.712.994

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021- HUYỆN HỚN QUẢN

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	NSNN	NSTW	NSDP	SỐ QUYẾT TOÁN		
				NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	1=2+3	2	3=4+5+6	4	5	6
TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.270.019.660.049	10.866.694.468	1.259.152.965.581	104.718.235.589	839.114.997.440	315.319.732.552
A-TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.270.019.660.049	10.866.694.468	1.259.152.965.581	104.718.235.589	839.114.997.440	315.319.732.552
I- Thu cân đối ngân sách	451.146.788.055	10.866.694.468	440.280.093.587	104.718.235.589	193.747.822.719	141.814.035.279
1- Thu từ các doanh nghiệp quốc doanh	2.815.888.224	-	2.815.888.224	2.815.825.322	62.902	-
- Thuế GTGT	1.225.614.103		1.225.614.103	1.225.614.103	-	
- Thuế TNDN	1.590.274.121		1.590.274.121	1.590.211.219	62.902	
- Thuế TTĐB hàng nội địa						
- Thuế tài nguyên						
Tr.đó: + Tài nguyên rừng						
+ TN nước thủy điện						
- Thuế môn bài						
- Thu hồi vốn và thu khác						
2- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài						
- Thuế GTGT						
- Thuế TNDN						
- Thuế tài nguyên						
- Thuế môn bài						
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước						

Chỉ tiêu	NSNN	NSTW	NSDP	SỐ QUYẾT TOÁN		
				NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	1=2+3	2	3=4+5+6	4	5	6
- Thu khác						
3- Thu từ khu vực CTN-NQD	79.488.872.202	-	79.488.872.202	15.405.000	75.568.685.315	3.904.781.887
- Thuế GTGT	35.238.074.509		35.238.074.509		31.333.292.622	3.904.781.887
- Thuế TNDN	39.375.637.434		39.375.637.434		39.375.637.434	
- Thuế TTDB hàng nội địa	15.405.000		15.405.000	15.405.000		
- Thuế tài nguyên	4.859.755.259		4.859.755.259		4.859.755.259	
- Thuế môn bài	-		-			
- Thu khác	-		-			
4- Lệ phí trước bạ	40.021.287.940		40.021.287.940		29.495.882.780	10.525.405.160
5- Thuế SDĐNN	275.520.000		275.520.000			275.520.000
6- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	140.960.660		140.960.660			140.960.660
7- Thuế thu nhập cá nhân	37.148.980.784		37.148.980.784	37.148.980.784		
8- Thu thuế bảo vệ môi trường	-		-			
9- Thu phí, lệ phí:	6.848.902.743	2.217.370.678	4.631.532.065	1.808.387.482	2.264.275.383	558.869.200
10- Thuế CQSD đất	-		-			
11- Thu tiền sử dụng đất	182.704.941.408		182.704.941.408	346.720.000	57.675.734.201	124.682.487.207
12- Thu tiền thuê đất, thuê nước	72.449.439.153		72.449.439.153	47.092.135.417	25.357.303.736	
13- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	55.294.545		55.294.545			55.294.545
14- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	19.572.448.116	5.976.136.205	13.596.311.911	13.596.311.911		
15- Thu khác tại xã	64.840.000		64.840.000		-	64.840.000
16- Thu khác ngân sách	9.559.412.280	2.673.187.585	6.886.224.695	1.894.469.673	3.385.878.402	1.605.876.620
II- Các khoản do Hải quan thu	-		-			
III- Thu viện trợ	-		-			
IV- Thu chuyển nguồn	12.027.255.841		12.027.255.841		10.859.117.941	1.168.137.900

Chỉ tiêu	NSNN	NSTW	NSDP	SỐ QUYẾT TOÁN		
				NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	1=2+3	2	3=4+5+6	4	5	6
V- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	698.615.648.400		698.615.648.400		544.701.252.400	153.914.396.000
VI-Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	14.079.711.000		14.079.711.000		14.079.711.000	
VII- Thu tạm ứng ngân sách cấp tỉnh	-		-			
VIII- Thu kết dư ngân sách	94.150.256.753		94.150.256.753		75.727.093.380	18.423.163.373
IX- Các khoản quy định đóng góp	-		-			

Ghi chú: Phần thu bao gồm thu bổ sung ngân sách cấp xã: 153.914.396 đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG THU NGÂN SÁCH THEO NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO PHÁT SINH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÓN QUẢN NĂM 2021

Đơn vị tính: đồng.

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN		TỔNG THU	So sánh tỷ lệ (%)	
	UBND TỈNH	HĐND HUYỆN			
A	1	2	3	4=3/1	5=3/2
* TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	260.000.000.000	325.000.000.000	451.146.788.055	174	139
A-TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	260.000.000.000	325.000.000.000	451.146.788.055	174	139
I- Thu cân đối ngân sách	260.000.000.000	325.000.000.000	451.146.788.055	174	139
1- Thu từ các doanh nghiệp quốc doanh	2.000.000.000	2.000.000.000	2.815.888.224		
2- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài					
3- Thu từ khu vực CTN-NQD	75.000.000.000	75.000.000.000	79.488.872.202	106	106
4- Lệ phí trước bạ	30.000.000.000	30.000.000.000	40.021.287.940	133	133
5- Thuế SDĐNN			275.520.000		
6- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000.000	200.000.000	140.960.660	70	70
7- Thuế thu nhập cá nhân	24.000.000.000	24.000.000.000	37.148.980.784	155	155
8- Thu thuế bảo vệ môi trường					
9- Thu phí, lệ phí:	4.600.000.000	4.600.000.000	6.848.902.743	149	149
10- Thuế CQSD đất					
11- Thu tiền sử dụng đất	90.000.000.000	155.000.000.000	182.704.941.408	203	118
12- Thu tiền thuê đất, thuê nước	14.000.000.000	14.000.000.000	72.449.439.153	517	517
13- Thu từ đất công ích	200.000.000	200.000.000	55.294.545		
14- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13.000.000.000	13.000.000.000	19.572.448.116	151	151
15- Thu khác tại xã			64.840.000		
16- Thu khác ngân sách	7.000.000.000	7.000.000.000	9.559.412.280	137	137

BÁO CÁO TỔNG QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN HỐN QUẢN NĂM 2021

Huyện Hồn Quản

Đơn vị tính: đồng.

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021		Quyết toán năm 2020	Quyết toán năm 2021			SO SÁNH (%)		
		UBND tỉnh giao	HDND huyện giao		Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=4/2	9=4/3
<u>A</u>	<u>TỔNG CHI</u>	<u>732.990.000.000</u>	<u>1.050.902.396.000</u>	<u>807.278.012.417</u>	<u>930.129.855.680</u>	<u>685.272.836.122</u>	<u>244.857.019.558</u>	<u>127</u>	<u>89</u>	<u>115</u>
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	163.248.000.000	252.225.000.000	149.821.645.581	217.716.043.706	103.925.070.177	113.790.973.529	133	86	145
II	CHI CTMT		-							
III	CHI THƯỜNG XUYÊN	494.113.000.000	617.665.000.000	505.067.777.095	544.419.704.974	427.433.369.945	116.986.335.029	110	88	108
1	CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		1.136.000.000	75.500.000	1.125.715.000	1.125.715.000			99	1.491
2	CHI SN KINH TẾ		99.463.000.000	75.003.955.119	85.583.331.116	85.442.287.228	141.043.888		86	114
3	CHI SN GD & ĐÀO TẠO		208.399.000.000	195.446.629.010	188.625.968.887	188.625.968.887	-		91	97
4	CHI SN Y TẾ		49.600.000.000	40.269.708.160	55.454.428.381	55.454.428.381			112	138
5	CHI SN VH - TDTT		4.132.000.000	4.430.916.998	3.596.619.457	3.596.619.457			87	81
6	CHI SN TRUYỀN THANH	-	2.329.000.000	1.066.206.000	1.720.344.000	1.720.344.000			74	161
7	CHI ĐẢM BẢO XH		28.210.000.000	23.773.123.920	18.048.315.900	18.048.315.900			64	76
8	CHI QUẢN LÝ HC		121.355.000.000	131.891.144.316	151.476.617.830	54.453.609.768	97.023.008.062		125	115
9	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG		39.925.000.000	29.232.398.572	36.141.979.403	16.319.696.324	19.822.283.079		91	124
	-An Ninh			19.441.584.649	10.162.601.491	3.931.898.421	6.230.703.070			52
	-Quốc phòng			9.790.813.923	25.979.377.912	12.387.797.903	13.591.580.009			265
10	CÁC KHOẢN CHI KHÁC NGÂN SÁCH		63.116.000.000	3.878.195.000	2.646.385.000	2.646.385.000			4	68
IV	CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP				-					
V	DỰ PHÒNG	13.393.000.000	27.098.000.000		-				-	
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN			7.887.857.741	-					
VII	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			3.000.000.000	14.079.711.000		14.079.711.000			

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2021		Quyết toán năm 2020	Quyết toán năm 2021			SO SÁNH (%)		
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao		Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=4/2	9=4/3
VIII	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ		153.914.396.000	141.500.732.000	153.914.396.000	153.914.396.000				

Ghi chú: - Phần chi bao gồm chi bổ sung ngân sách cấp xã: 153.914.396.000 đồng

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm cả chi chuyển nguồn tạm ứng 2020 sang 2021